

Bản án số: 236/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 09 – 11 – 2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Hữu Thọ

Ông Nguyễn Ngọc Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 474/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1967; nơi cư trú: K4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thùy N, sinh năm 1977; nơi cư trú: K4, thị trấn ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Minh C trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh C kết hôn với chị Lê Thùy N vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Tại đơn khởi kiện anh C khai có đi đăng ký kết hôn là chưa chính xác, do khi đến Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nhưng cán bộ thực hiện việc đăng ký kết hôn không có mặt nên có hẹn lại ngày khác đến, tuy nhiên anh C và chị N không đến đăng ký kết hôn cho đến nay, cũng không nhận giấy tờ đăng ký kết hôn gì của Cơ quan có thẩm quyền, do đó anh C xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân ly hôn là do quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi. Mặc dù gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ lại. Nay anh C nhận thấy tình trạng hôn nhân

không thể kéo dài nên yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 27/3/1997 và Nguyễn T1, sinh ngày 18/4/2002. Hiện tại các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thùy N trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời gian vợ chồng chung sống, không đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện và nguyên nhân mâu thuẫn như anh Cảnh trình bày là đúng. Chị và anh C có ly thân nhiều lần, sau đó tự hàn gắn nhưng vẫn tiếp tục cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện tại chị và anh C đã ly thân hơn một năm nay. Chị N xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị N thống nhất theo yêu cầu của anh C, đồng thời xác định các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N thống nhất tự thỏa thuận với anh C không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Nguyễn Minh C và chị Lê Thùy N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh C và chị N chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi và cuộc sống không hòa hợp, anh chị đã ly thân hơn một năm, nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên anh C yêu cầu được ly hôn, chị N đồng ý.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, anh chị đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 27/3/1997 và Nguyễn T1, sinh ngày 18/4/2002. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Minh C và chị Lê Thùy N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh C phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011085 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh C đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Trúc**

